

Số: 39/2017/QĐST-DS

G, ngày 07 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 94/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phan Hồng T**, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp 15, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Đ**

sinh năm 1984 và anh **Kim Thanh Đ**, sinh năm 1985. Cùng địa chỉ: ấp 15, xã Phong Thạnh Đông, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Lương Phước Đ** – sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp 15, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phan Hồng T**, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp 15, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Theo giấy ủy quyền ngày 25 tháng 5 năm 2017.

2. Sự thỏa thuận của hai bên đương sự cụ thể như sau:

1/ Loại hụi 5.000.000đ, mở ngày 30/10/2013 âm lịch: Buộc chị Nguyễn Hồng Đ và anh Kim Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phan Hồng T và ông Lương Phước Đ số tiền tại 03 kỳ mở hụi (kỳ 09, kỳ 10 và kỳ 11) là 15.000.000đ.

2/ Loại hui 3.000.000đ, mở ngày 02/03/2013 âm lịch: Buộc chị Nguyễn Hồng Đ và anh Kim Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phan Hồng T và ông Lương Phước Đ số tiền 6.800.000đ.

3/ Loại hui 5.000.000đ, mở ngày 25/06/2013 âm lịch: Buộc chị Nguyễn Hồng Đ và anh Kim Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phan Hồng T và ông Lương Phước Đ số tiền 15.000.000đ.

4/ Loại hui 5.000.000đ, mở ngày 16/07/2014 âm lịch: Buộc chị Nguyễn Hồng Đ và anh Kim Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phan Hồng T và ông Lương Phước Đ số tiền tại 03 kỳ mở hui (kỳ 7, kỳ 8 và kỳ 9) là 23.000.000đ.

5/ Loại hui 5.000.000đ, mở ngày 10/10/2014 âm lịch: Buộc chị Nguyễn Hồng Đ và anh Kim Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phan Hồng T và ông Lương Phước Đ số tiền 03 kỳ mở hui (kỳ 6, kỳ 7 và kỳ 8) là 15.000.000đ.

6/ Loại hui 3.000.000đ, mở ngày 10/10/2014 âm lịch: Buộc chị Nguyễn Hồng Đ và anh Kim Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phan Hồng T và ông Lương Phước Đ số tiền tại 03 kỳ mở hui (kỳ 6, kỳ 7 và kỳ 8) là 9.000.000đ.

7/ Loại hui 5.000.000đ, mở ngày 16/07/2014 âm lịch: Buộc chị Nguyễn Hồng Đ và anh Kim Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phan Hồng T và ông Lương Phước Đ số tiền tại 03 kỳ mở hui (kỳ 7, kỳ 8 và kỳ 9) là 15.000.000đ.

Tổng cộng số tiền buộc vợ chồng chị Nguyễn Hồng Đ và anh Kim Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Phan Hồng T và ông Lương Phước Đ với số tiền là 98.800.000đ.

- Về án phí:

+ Chị Nguyễn Hồng Đ và anh Kim Thanh Đ đồng ý chịu án phí với số tiền 2.470.000đ nên buộc chị Đ và anh Đ nộp án phí số tiền 2.470.000đ.

+ Các đương sự khác không phải chịu án phí. Chị Phan Hồng T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 375.000đ theo biên lai thu tiền số 0008630, số tiền 225.000đ theo biên lai thu tiền số 0008631, số tiền 375.000đ theo biên lai thu tiền số 0008632, số tiền 750.000đ theo biên lai thu tiền số 0008633, số tiền 375.000đ theo biên lai thu tiền số 0008634, số tiền 225.000đ theo biên lai thu tiền số 0008635, số tiền 375.000đ theo biên lai thu tiền số 0008636 ngày 15 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G nên được nhận lại.

“Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015”

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Minh Tấn